

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
**HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ
ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**
CỦA CÁC CƠ QUAN TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/TB-HĐTĐ

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 01 năm 2020

THÔNG BÁO

Kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2019

Thực hiện Quyết định số 3061/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Biên bản cuộc họp thẩm định kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2019;

Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin thông báo kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2019, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ XẾP HẠNG MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG CNTT CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2019

I. CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

I.1. Xếp hạng Mức độ ứng dụng CNTT

TT	Sở, ban, ngành	Tổng điểm	Tỷ lệ	Xếp loại	Ghi chú
1	Sở Tài chính	982/1000	98,2%	Tốt	
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	981/1000	98,1%	Tốt	
3	Thanh tra tỉnh	808/827	97,7%	Tốt	
4	Sở Thông tin và Truyền thông	970/1000	97,0%	Tốt	
5	BQL Khu kinh tế Vân Phong	965/1000	96,5%	Tốt	
6	Sở Y tế	963/1000	96,3%	Tốt	
7	Sở Ngoại vụ	891/927	96,1%	Tốt	
8	Sở Khoa học và Công nghệ	959/1000	95,9%	Tốt	
9	Ban Dân tộc	762/797	95,6%	Tốt	
10	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	789/830	95,1%	Tốt	
11	Sở Văn hóa và Thể thao	945/1000	94,5%	Tốt	
12	Sở Công Thương	939/1000	93,9%	Tốt	
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	929/1000	92,9%	Tốt	
14	Sở Nội vụ	884/1000	88,4%	Tốt	
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	878/1000	87,8%	Tốt	

TT	Sở, ban, ngành	Tổng điểm	Tỷ lệ	Xếp loại	Ghi chú
16	Sở Du lịch	874/1000	87,4%	Tốt	
17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	860/1000	86,0%	Tốt	
18	Sở Xây dựng	822/1000	82,2%	Khá	
19	Sở Giao thông vận tải	815/1000	81,5%	Khá	
20	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	745/1000	74,5%	Khá	Nộp trễ (-100đ)
21	Sở Tư pháp	728/1000	72,8%	Khá	Nộp trễ (-100đ)
22	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	Không xếp hạng			

I.2. Xếp hạng các nội dung thành phần

I.2.1. Trang thông tin điện tử

TT	Sở, ban, ngành	Tổng điểm	Tỷ lệ	Xếp loại
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	-	-	-
2	Sở Văn hóa và Thể thao	100/100	100%	Tốt
3	Thanh tra tỉnh	97/97	100%	Tốt
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	100/100	100%	Tốt
5	Sở Tài chính	100/100	100%	Tốt
6	Sở Nội vụ	99/100	99%	Tốt
7	Sở Ngoại vụ	96/97	99%	Tốt
8	Sở Công Thương	98/100	98%	Tốt
9	Sở Thông tin và Truyền thông	97/100	97%	Tốt
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	96/100	96%	Tốt
11	Sở Giao thông vận tải	96/100	96%	Tốt
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	94/100	94%	Tốt
13	Sở Tư pháp	90/100	90%	Tốt
14	BQL Khu kinh tế Vân Phong	89/100	89%	Tốt
15	Sở Du lịch	88/100	88%	Tốt
16	Ban Dân tộc	84/97	87%	Tốt
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	86/100	86%	Tốt
18	Sở Khoa học và Công nghệ	86/100	86%	Tốt
19	Sở Giáo dục và Đào tạo	84/100	84%	Khá
20	Sở Xây dựng	80/100	80%	Khá
21	Sở Y tế	78/100	78%	Khá
22	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	Không xếp hạng		

I.2.2. An toàn thông tin số

TT	Sở, ban, ngành	Tổng điểm	Tỷ lệ	Xếp loại
1	Sở Văn hóa và Thể thao	100/100	100%	Tốt
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	100/100	100%	Tốt
3	Thanh tra tỉnh	100/100	100%	Tốt
4	Ban Dân tộc	100/100	100%	Tốt
5	Sở Thông tin và Truyền thông	100/100	100%	Tốt
6	Sở Nội vụ	90/100	90%	Tốt
7	Sở Y tế	85/100	85%	Tốt
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	85/100	85%	Tốt
9	Sở Tài chính	80/100	80%	Khá
10	BQL Khu kinh tế Vân Phong	80/100	80%	Khá
11	Sở Công Thương	80/100	80%	Khá
12	Sở Ngoại vụ	80/100	80%	Khá
13	Sở Khoa học và Công nghệ	75/100	75%	Khá
14	Sở Du lịch	70/100	70%	Khá
15	Sở Xây dựng	70/100	70%	Khá
16	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	70/100	70%	Khá
17	Sở Giáo dục và Đào tạo	70/100	70%	Khá
18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	60/100	60%	Trung bình
19	Sở Giao thông vận tải	55/100	55%	Trung bình
20	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	50/100	50%	Trung bình
21	Sở Tư pháp	50/100	50%	Trung bình
22	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	Không xếp hạng		

II. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

II.1. Xếp hạng Mức độ ứng dụng CNTT

TT	UBND cấp huyện	Tổng điểm	Tỷ lệ	Xếp loại
1	UBND thành phố Cam Ranh	915/1000	91,5%	Tốt
2	UBND huyện Khánh Sơn	914/1000	91,4%	Tốt
3	UBND thành phố Nha Trang	892/1000	89,2%	Tốt
4	UBND thị xã Ninh Hòa	891/1000	89,1%	Tốt
5	UBND huyện Cam Lâm	884/1000	88,4%	Tốt
6	UBND huyện Khánh Vĩnh	877/1000	87,7%	Tốt
7	UBND huyện Vạn Ninh	866/1000	86,6%	Tốt
8	UBND huyện Diên Khánh	853/1000	85,3%	Tốt

II.2. Xếp hạng các nội dung thành phần

II.2.1. Cổng thông tin điện tử

TT	UBND cấp huyện	Tổng điểm	Tỷ lệ	Xếp loại
1	UBND huyện Vạn Ninh	39,5/40	98,8%	Tốt
2	UBND huyện Khánh Vĩnh	39,0/40	97,5%	Tốt
3	UBND thành phố Nha Trang	39,0/40	97,5%	Tốt
4	UBND thị xã Ninh Hòa	38,5/40	96,3%	Tốt
5	UBND huyện Cam Lâm	38,3/40	95,9%	Tốt
6	UBND huyện Diên Khánh	37,0/40	92,5%	Tốt
7	UBND huyện Khánh Sơn	36,5/40	91,3%	Tốt
8	UBND thành phố Cam Ranh	36,0/40	90,0%	Tốt

II.2.2. Xếp hạng An toàn thông tin số

TT	UBND cấp huyện	Tổng điểm	Tỷ lệ	Xếp loại
1	UBND huyện Vạn Ninh	80/100	80%	Khá
2	UBND huyện Cam Lâm	80/100	80%	Khá
3	UBND huyện Khánh Vĩnh	70/100	70%	Khá
4	UBND thành phố Nha Trang	70/100	70%	Khá
5	UBND thị xã Ninh Hòa	70/100	70%	Khá
6	UBND huyện Khánh Sơn	70/100	70%	Khá
7	UBND thành phố Cam Ranh	70/100	70%	Khá
8	UBND huyện Diên Khánh	60/100	60%	Trung bình

III. ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC UBND TỈNH

III.1. Xếp hạng Mức độ ứng dụng CNTT

TT	Đơn vị	Tổng điểm	Tỷ lệ	Xếp loại
1	Ban QLDA phát triển tỉnh Khánh Hòa	724/700	103,5%	Tốt
2	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông	716/700	102,2%	Tốt
3	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	702/700	100,2%	Tốt
4	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	699/700	99,9%	Tốt
5	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	684/700	97,8%	Tốt
6	Ban Quản lý Khu du lịch Bán đảo Cam Ranh	670/700	95,8%	Tốt
7	Trường Đại học Khánh Hòa	658/700	93,9%	Tốt
8	Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa	633/700	90,5%	Tốt
9	Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa	540/700	77,1%	Khá

III.2. Xếp hạng các nội dung thành phần

III.2.1. Xếp hạng Công thông tin điện tử

TT	Đơn vị	Tổng điểm	Tỷ lệ	Xếp loại
1	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	70/70	100%	Tốt
2	Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa	67/70	96%	Tốt
3	Trường Đại học Khánh Hòa	66/70	94%	Tốt

TT	Đơn vị	Tổng điểm	Tỷ lệ	Xếp loại
4	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông	66/70	94%	Tốt
5	Ban QLDA phát triển tỉnh Khánh Hòa	65/70	93%	Tốt
6	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	60/70	86%	Tốt
7	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	54/70	77%	Khá
8	Ban Quản lý Khu du lịch Bán đảo Cam Ranh	48/70	69%	Trung bình
9	Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa	46/70	66%	Trung bình

III.2.2. Xếp hạng An toàn thông tin số

TT	Đơn vị	Tổng điểm	Tỷ lệ	Xếp loại
1	Ban QLDA phát triển tỉnh Khánh Hòa	70/70	100%	Tốt
2	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	70/70	100%	Tốt
3	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông	70/70	100%	Tốt
4	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	65/70	93%	Tốt
5	Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa	60/70	86%	Tốt
6	Trường Đại học Khánh Hòa	60/70	86%	Tốt
7	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	50/70	71%	Khá
8	Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa	50/70	71%	Khá
9	Ban Quản lý Khu du lịch Bán đảo Cam Ranh	50/70	71%	Khá

B. KẾT QUẢ CHI TIẾT MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG CNTT CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2019

I. CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

TT	Sở, ban, ngành	Tổng điểm	Trong đó						Điểm cộng
			Hạ tầng CNTT	Nhân lực CNTT	Sử dụng các PM Ứng dụng	Chính sách và đầu tư	Trang/Công TTĐT	An toàn thông tin số	
1	Sở Tài chính	982	60	55	538	120	100	80	29
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	981	60	55	560	120	96	60	30
3	Thanh tra tỉnh	808	60	35	389	120	97	100	7
4	Sở Thông tin và Truyền thông	970	60	55	560	80	97	100	18
5	BQL Khu kinh tế Vân Phong	965	60	45	560	120	89	80	11
6	Sở Y tế	963	60	60	549	120	78	85	11
7	Sở Ngoại vụ	891	60	45	480	120	96	80	10
8	Sở Khoa học và Công nghệ	959	60	55	550	120	86	75	13
9	Ban Dân tộc	762	30	40	388	120	84	100	0

TT	Sở, ban, ngành	Tổng điểm	Trong đó						
			Hạ tầng CNTT	Nhân lực CNTT	Sử dụng các PM Ứng dụng	Chính sách và đầu tư	Trang/Công TTĐT	An toàn thông tin số	Điểm cộng
10	Văn phòng UBND tỉnh	789	60	55	480	120	-	70	4
11	Sở Văn hóa và Thể thao	945	60	55	499	120	100	100	11
12	Sở Công Thương	939	60	45	520	120	98	80	16
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	929	60	55	525	120	84	70	15
14	Sở Nội vụ	884	60	55	445	120	99	90	15
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	878	60	60	458	100	94	85	21
16	Sở Du lịch	874	60	55	465	120	88	70	16
17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	860	60	55	434	100	100	100	11
18	Sở Xây dựng	822	60	55	420	120	80	70	17
19	Sở Giao thông vận tải	815	60	35	435	120	96	55	14
20	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (-100)	745	60	55	453	120	86	50	21
21	Sở Tư pháp (-100)	728	60	55	454	100	90	50	19
22	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	Không xếp hạng							

II. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

TT	UBND cấp huyện	Tổng điểm	Trong đó						
			Hạ tầng CNTT	Nhân lực CNTT	Sử dụng các PM Ứng dụng	Đầu tư và chính sách	Trang/Công TTĐT	An toàn thông tin số	Điểm cộng
1	UBND thành phố Cam Ranh	915	200	90	419	70	36,0	70	30
2	UBND huyện Khánh Sơn	914	200	78	417	80	36,5	70	33
3	UBND thành phố Nha Trang	892	200	90	393	80	39,0	70	20
4	UBND thị xã Ninh Hòa	891	200	90	382	80	38,5	70	30
5	UBND huyện Cam Lâm	884	200	80	381	80	38,3	80	25
6	UBND huyện Khánh Vĩnh	877	188	89	401	70	39,0	70	21
7	UBND huyện Vạn Ninh	866	200	90	366	70	39,5	80	20
8	UBND huyện Diên Khánh	853	200	90	351	80	37,0	60	35

III. CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC UBND TỈNH

TT	Đơn vị	Tổng điểm	Trong đó						
			Hạ tầng CNTT	Nhân lực CNTT	Sử dụng các PM Ứng dụng	Chính sách và đầu tư	Trang/Công TTĐT	An toàn thông tin số	Điểm cộng
1	Ban QLDA phát triển tỉnh Khánh Hòa	724	60	40	359	100	65	70	30
2	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông	716	60	40	350	100	66	70	30

TT	Đơn vị	Tổng điểm	Trong đó						
			Hạ tầng CNTT	Nhân lực CNTT	Sử dụng các PM Ứng dụng	Chính sách và đầu tư	Trang/Công TTĐT	An toàn thông tin số	Điểm cộng
3	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	702	60	25	357	100	70	70	20
4	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	699	60	40	339	100	60	50	50
5	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	684	60	40	345	100	54	65	20
6	Ban Quản lý Khu du lịch Bán đảo Cam Ranh	670	60	25	357	100	48	50	30
7	Trường Đại học Khánh Hòa	658	60	40	292	100	66	60	40
8	Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa	633	60	20	331	55	67	60	40
9	Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa	540	60	20	289	75	46	50	0

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/cáo);
- Ban TĐKT tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Các ĐVSN trực thuộc UBND tỉnh;
- TV HĐĐT, Tổ giúp việc;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
CHỦ TỊCH**

**PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
Nguyễn Tấn Trung**